TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2017/DS-ST
Ngày: 26/9/2017
V/v "tranh chấp
hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Rành

2. Bà Nguyễn Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2017/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2017/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (viết tắt là Ngân hàng A)

Trụ sở: lầu 8, tòa nhà A, 444A-446 đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thái Thanh M, sinh năm 1984 (Theo Giấy ủy quyền số 809/UQ-QLN.17 ngày 31/8/2017) (có mặt)

Bị đơn: Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Thường trú: 3-DP1-13 Lô R1-2 khu phố X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/02/2017, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có người đại diện theo ủy quyền bà Đặng Thái Thanh M trình bày:

Ngày 02/3/2012, bà Đỗ Thị Thu H có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần A Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng. Ngân hàng đã đồng ý và cấp thẻ tín dụng số 4365 9910 0003 7706 ngày 03/3/2012 với hạn mức 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) hiệu lực thẻ là 36 tháng kể từ ngày cấp thẻ, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng bà H đã thực hiện các lần giao dịch với tổng số tiền là 211.558.173 đồng. Tính đến ngày 13/02/2015, bà H đã trả được 173.000.000 đồng sau đó thì ngưng không trả. Ngân hàng A đã nhiều lần yêu cầu bà H thanh toán nhưng bà H vẫn không thanh toán đầy đủ nên kể từ ngày 27/7/2015 Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, số tiền mà bà H còn thiếu tạm tính đến ngày 21/02/2017 là 139.410.421 đồng, trong đó số tiền gốc là 38.558.173 đồng, tiền lãi là 100.852.248 đồng.

Nay Ngân hàng A yêu cầu bà H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ còn thiếu tạm tính nêu trên và lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn như các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A. Yêu cầu bà H trả làm 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về phía bị đơn bà Đỗ Thị Thu H, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bà H đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà H phải trả số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể: tiền nợ gốc là 38.558.173 đồng, nợ lãi là 109.872.932 đồng, tổng cộng là 148.431.105 đồng cùng tiền lãi phát sinh tính từ ngày 27/9/2017 cho đến khi bà

H trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng A. Yêu cầu trả làm 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Phía bị đơn bà H vẫn vắng mặt không có lý do.

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa công khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa;

Sau khi nghe kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu quan điểm;

Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án;

Veà thẩm quyền xét xử:

[1] Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của nguyên đơn đối với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Phía bị đơn là bà Đỗ Thị Thu H đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên hòa giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà H vẫn liên tục vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi.

Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì bà H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên bà H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, lấy yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do phía nguyên đơn xuất trình để xem xét giải quyết và Tòa án xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Căn cứ theo các quy định và các văn bản hai bên đã ký kết, xét thấy có đủ cơ sở xác định Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có cho bà H mở thẻ tín dụng. Bà H đã sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 211.558.173 đồng, bà H đã trả được đồng 173.000.000 đồng, sau đó thì ngưng thanh toán. Bà H còn nợ tạm tính đến ngày 26/9/2017 là 148.431.105 đồng.

Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 9 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 27/7/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 10 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận của hai bên trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 02/3/2012 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 03/3/2012. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đòi bà Đỗ Thị Thu H trả tổng số tiền 148.431.105 đồng, trong đó: nợ gốc là 38.558.173 đồng + lãi tạm tính đến ngày 26/9/2017 là 109.872.932 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2017 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 02/3/2012 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 03/3/2012 là có cơ sở chấp nhận.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 148.431.105 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2017 được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hoàn lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn bà Đỗ Thị Thu H.

Về nội dung:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Buộc bà Đỗ Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số nợ còn thiếu là 148.431.105 đồng trong đó nợ gốc là 38.558.173 đồng + lãi tạm tính đến ngày 26/9/2017 là 109.872.932 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2017 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 02/3/2012 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của

Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 03/3/2012. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Thu H phải chịu 7.421.555 đồng (Bảy triệu bốn trăm hai mươi mốt ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 3.485.261 đồng (Ba triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm sáu mươi mốt đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/07773 ngày 27/4/2017 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3/ Án xử công khai, tuyên án vắng mặt bị đơn bà Đỗ Thị Thu H.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Đỗ Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Trần Thị Thủy

Nơi nhận:
- TAND TpHCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.